

CHÍNH PHỦ
Số: 11/1998/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 24 tháng 1 năm 1998

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về việc Ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Theo đề nghị của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị định này Quy chế làm việc của Chính phủ.

Điều 2. Nghị định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ban hành và thay thế Nghị định số 13/CP ngày 1 tháng 12 năm 1992 ban hành Quy chế làm việc của Chính phủ.

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành Quy chế làm việc cụ thể của cơ quan mình phù hợp với Quy chế này.

Điều 3. Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ có trách nhiệm thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này ở tất cả các cấp, các ngành và báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Các thành viên Chính phủ, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA CHÍNH PHỦ

Ban hành kèm theo Nghị định số 11/1998/NĐ-CP

ngày 24 tháng 01 năm 1998

CHƯƠNG I

PHẠM VI VÀ QUAN HỆ PHỐI HỢP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC

Điều 1. Phạm vi và cách thức giải quyết công việc của Chính phủ

1- Chính phủ quyết định tập thể những công việc sau đây:

1.1- Chương trình công tác hàng năm của Chính phủ;

1.2- Chương trình hành động của Chính phủ triển khai thực hiện các Nghị quyết của Đảng;

1.3- Các dự án luật, pháp lệnh trình Quốc hội và ủy ban Thường vụ Quốc hội;

1.4- Các nghị quyết, nghị định của Chính phủ;

1.5- Các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội dài hạn, 5 năm, hàng năm; các công trình quan trọng quốc gia;

1.6- Dự toán Ngân sách Nhà nước và Tổng quyết toán Ngân sách Nhà nước hàng năm;

1.7- Các vấn đề quan trọng về chủ trương, chính sách và cơ chế phát triển kinh tế, xã hội; về quốc phòng, an ninh, đối nội và đối ngoại;

1.8- Các vấn đề về thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; thành lập, sáp nhập, chia tách, điều chỉnh địa giới các đơn vị hành chính địa phương;

1.9- Các báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước;

1.10- Những vấn đề khác mà pháp luật quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ;

1.11- Những vấn đề mà Thủ tướng thấy cần phải đưa ra trình Chính phủ.

2- Các quyết định tập thể của Chính phủ quy định tại Khoản 1, Điều này phải được quá nửa tổng số thành viên Chính phủ biểu quyết tán thành. Đối với một số vấn đề không nhất thiết phải tổ chức thảo luận tập thể hoặc vấn đề Chính phủ cần quyết định gấp, nhưng không có điều kiện tổ chức họp Chính phủ thì theo chỉ đạo của Thủ tướng, Văn phòng Chính phủ hoặc cơ quan chủ trì đề án gửi toàn bộ hồ sơ đề án (theo quy định tại Điểm 1.3, Điều 8 Quy chế này) và Phiếu lấy ý kiến đến từng thành viên Chính phủ. Nếu quá nửa tổng số thành viên Chính phủ tán thành, thì Văn phòng Chính phủ trình Thủ tướng Chính phủ quyết định và báo cáo Chính phủ tại phiên họp gần nhất.

Khi biểu quyết tại phiên họp cũng như khi dùng Phiếu lấy ý kiến, nếu số phiếu tán thành và không tán thành ngang nhau thì quyết định theo bên có ý kiến Thủ tướng.

3- Thành viên Chính phủ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phải nghiêm chỉnh thực hiện các quyết định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp không nhất trí với các quyết định đó, vẫn phải chấp hành, nhưng được tiếp tục trình bày ý kiến với tập thể Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Phạm vi giải quyết công việc của Thủ tướng Chính phủ

1- Thủ tướng Chính phủ giải quyết các công việc sau đây:

1.1- Những vấn đề được Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ, các văn bản pháp luật khác quy định thuộc thẩm quyền giải quyết của Thủ tướng và những vấn đề được Hiến pháp, Luật Tổ chức Chính phủ và các văn bản pháp luật khác quy định thuộc thẩm quyền của Chính phủ, nhưng không do Chính phủ quyết định tập thể;

1.2- Những vấn đề quan trọng có tính liên ngành đã được các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ phối hợp xử lý, nhưng ý kiến còn khác nhau;

1.3- Những vấn đề do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu các đoàn thể nhân dân đề nghị vượt quá thẩm quyền giải quyết của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ hoặc các vấn đề liên quan đến nhiều ngành, nhiều địa phương, nhưng giữa các cơ quan đó còn có ý kiến khác nhau;

1.4- Những vấn đề tuy thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nhưng do tầm quan trọng của nó, Thủ tướng Chính phủ thấy cần phải trực tiếp chỉ đạo giải quyết dứt điểm trong một thời gian nhất định;

1.5- Những vấn đề đột xuất hoặc mới phát sinh, các sự cố nghiêm trọng như thiên tai, dịch bệnh, tai nạn... vượt quá khả năng giải quyết của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2- Trong hoạt động của mình, Thủ tướng thường xuyên giữ mối liên hệ giữa Chính phủ với Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch nước, Chủ tịch Quốc hội, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Chủ tịch Đoàn

Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và người đứng đầu cơ quan Trung ương của các đoàn thể nhân dân.

3- Ít nhất mỗi năm một lần, Thủ tướng làm việc với Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Ban lãnh đạo cơ quan Trung ương của từng đoàn thể nhân dân để kiểm điểm sự phối hợp công tác, trao đổi về các đề xuất của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đối với công tác của Chính phủ và tạo điều kiện để các tổ chức này hoạt động có hiệu quả.

Điều 3. Phạm vi giải quyết công việc của Phó Thủ tướng, quan hệ công tác giữa Thủ tướng, các Phó Thủ tướng:

1- Các Phó Thủ tướng được Thủ tướng phân công thay mặt Thủ tướng giải quyết công việc theo các nguyên tắc sau:

1.1- Mỗi Phó Thủ tướng được phân công phụ trách một số lĩnh vực công tác và theo dõi hoạt động của một số Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;

1.2- Phó Thủ tướng được sử dụng quyền hạn của Thủ tướng, nhân danh Thủ tướng khi giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực được phân công và chịu trách nhiệm trước Thủ tướng;

1.3- Phó Thủ tướng chủ động giải quyết công việc được phân công; nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực của Phó Thủ tướng khác thì trực tiếp phối hợp với Phó Thủ tướng đó để giải quyết. Trường hợp có vấn đề cần có ý kiến của Thủ tướng hoặc giữa các Phó Thủ tướng còn có ý kiến khác nhau thì báo cáo Thủ tướng quyết định;

1.4- Thủ tướng chịu trách nhiệm về các quyết định của các Phó Thủ tướng trong khi thực hiện các nhiệm vụ được Thủ tướng Chính phủ phân công;

1.5- Theo yêu cầu điều hành trong từng thời gian, Thủ tướng Chính phủ có thể trực tiếp giải quyết một số việc đã phân công cho Phó Thủ tướng hoặc điều chỉnh lại sự phân công giữa các Phó Thủ tướng.

2- Trong phạm vi công việc được phân công, Phó Thủ tướng có nhiệm vụ và quyền hạn:

2.1- Chỉ đạo các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển ngành, lĩnh vực, vùng, địa phương trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ;

2.2- Kiểm tra, đôn đốc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong việc tổ chức thực hiện các quyết định của Chính phủ và của Thủ tướng, các chủ trương, chính sách, pháp luật thuộc lĩnh vực mình phụ trách; phát hiện và đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung. Nếu phát hiện các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành văn bản hoặc làm những việc trái pháp luật thì thay mặt Thủ tướng quyết định đình chỉ việc thi hành văn bản và việc làm sai trái đó, đồng thời đề ra biện pháp xử lý;

2.3- Giải quyết các vấn đề cụ thể phát sinh hàng ngày thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; xin ý kiến Thủ tướng Chính phủ để xử lý những vấn đề thuộc về cơ chế, chính sách chưa được Chính phủ quy định hoặc những vấn đề quan trọng khác;

2.4- Theo dõi về tổ chức bộ máy và cán bộ đến cấp Vụ và tương đương; chỉ đạo việc xử lý các vấn đề nội bộ trong các cơ quan thuộc lĩnh vực được phân công theo dõi.

3- Phó Thủ tướng thường trực, ngoài những nhiệm vụ trên, còn làm các nhiệm vụ sau đây:

3.1- Thực hiện việc phối hợp hoạt động giữa các Phó Thủ tướng, sử dụng bộ máy của Văn phòng Chính phủ để thường xuyên duy trì các hoạt động chung của Chính phủ;

3.2- Được Thủ tướng ủy quyền ký một số văn bản của Chính phủ;

3.3- Thay mặt Thủ tướng Chính phủ, giải quyết công việc của Thủ tướng khi Thủ tướng vắng mặt;

3.4- Giải quyết công việc của Phó Thủ tướng khác khi Phó Thủ tướng đó vắng mặt.

4- Khi Phó Thủ tướng thường trực vắng mặt, Thủ tướng Chính phủ chỉ định một Phó Thủ tướng khác tạm thay làm nhiệm vụ thường trực.

5- Phó Thủ tướng có thể giải quyết một số vấn đề thuộc thẩm quyền của cấp dưới nói tại Điểm 1.4, Điều 2 Quy chế này.

6- Các Phó Thủ tướng dành ngày thứ Hai hàng tuần họp với Thủ tướng Chính phủ để báo cáo và xin ý kiến giải quyết công việc.

7- Các quyết định giải quyết công việc của từng Phó Thủ tướng phải được Văn phòng Chính phủ tổ chức thông tin kịp thời cho Thủ tướng và các Phó Thủ tướng khác biết.